

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2020

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ngô Văn Bê.

2. Phạm Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST – HNGĐ ngày 20/4/2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐ-ST ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện tại: Xóm Hải, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986; (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ: Xóm Hải, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại Đài Loan (Địa chỉ cuối cùng của chị Đặng Thị H ở Việt Nam: Xóm Hải, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 23/3/2020 và bản tự khai ngày 19/4/2020 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Đặng Thị H kết

hôn năm 2006 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn K), huyện Lạng G, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh thường xuyên có mâu thuẫn về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, không thể tìm thấy điểm chung dẫn đến tranh cãi không có hồi kết. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, không thể khắc phục được. Đến năm 2014 chị Đặng Thị H đi lao động tại nước ngoài. Hai vợ chồng anh đã sống ly thân nhiều năm.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị H.

*Về con chung:* Không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tài sản, công nợ:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Thắng còn trình bày: Anh có xin địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài để thuận lợi cho việc anh khởi kiện xin ly hôn chị H nhưng gia đình bố mẹ đẻ của chị H cố tình giấu không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không cung cấp cho Tòa án được. Anh chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của chị Đặng Thị H ở Việt Nam là tại Xóm Hải, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B. Anh đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu bố đẻ của chị H là ông Đặng Văn B, sinh năm 1963 trú tại: Thôn Đồng, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan cho Tòa án.

Do anh bận công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H.

*Bị đơn chị Đặng Thị H hiện đang lao động tại Đài Loan, vắng mặt tại phiên tòa.*

Ngày 04/6/2020 và ngày 18/6/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Đặng Thị H là ông Đặng Văn B, sinh năm 1963 trú tại: Thôn Đồng, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông B thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đặng Thị H; yêu

cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Đặng Thị H ở Đài Loan. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông B vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan cho Tòa án vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đặng Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Thắng, Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Đặng Văn B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Đặng Thị H;

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Thắng.

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Đặng Thị H là ông Đặng Văn B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông B thông báo cho

chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đặng Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan. Ông B trình bày chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông B vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn chị Đặng Thị H cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị Đặng Thị H theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Th là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Đặng Thị H, chị H hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 4798/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 10/4/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam: Xóm Hải, thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thắng và chị H kết hôn ngày 07/6/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thịnh (nay là thị trấn K), huyện Lạng G, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Thắng trình bày: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh thường xuyên có mâu thuẫn về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, không thể tìm thấy điểm chung dẫn đến tranh cãi không có hồi kết. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, không thể khắc phục được. Đến năm 2014 chị Đặng Thị H đi lao động tại nước ngoài. Hai vợ chồng anh đã sống ly thân nhiều năm.

Qua xác minh địa phương thì thấy: Về tình trạng hôn nhân của anh Thắng và chị H địa phương không nắm được do anh Thắng và chị H không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải. Nay anh Thắng có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Thắng và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của anh Thắng, xử cho anh Thắng được ly hôn chị H.

[4] Về con chung: Anh Thắng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Anh Thắng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Thắng đã nộp đủ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Đặng Thị H.

**2. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000644 ngày 20/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Thắng đã nộp đủ.

3. Anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Chị Đặng Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND thị trấn K, huyện Lạng G, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bê   Phạm Thị Tuyết Trinh**

**Trần Thị Hà**





**Noinhận:**

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Liễu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thân Quốc Hùng**